



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 22

Ngày 01 tháng 5 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 25-3-2016- Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 24-3-2016- Quyết định số 1379/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 10
- 24-3-2016- Quyết định số 1386/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu, tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông (phía Nam), Phú Thuận (phía Bắc rạch Bà Bướm), Quận 7. 12

- 25-3-2016- Quyết định số 1394/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng tỷ lệ 1/500 Khu vực nút giao thông Vành đai 2 - Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây. 22
- 25-3-2016- Quyết định số 1419/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường Tân Kiểng, Tân Quy, một phần phường Tân Phong và một phần phường Tân Phú, Quận 7. 31
- 26-3-2016- Quyết định số 1442/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch trồng rừng và cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020. 42

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tại Công văn số 36/HĐND-VP ngày 02 tháng 02 năm 2016 về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-STC-STNMT ngày 11 tháng 01 năm 2016 và số 1191/TTr-STC-STNMT ngày 24 tháng 02 năm 2016; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 79/STP-VB ngày 07 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quyết định này Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành) dưới 30 tỷ đồng; đối với trường hợp thuê đất thu tiền hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo từng nhóm đối tượng và tùy theo từng khu vực địa bàn quận, huyện và các yếu tố làm tăng, giảm giá đất như sau:

1. Nhóm 1: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất không phải đất ở sang đất ở đối với diện tích đất ở vượt hạn mức: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một (1,0) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố.

2. Nhóm 2: Trường hợp xác định đơn giá thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên; xác định đơn giá thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo; xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai: Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo mục đích sử dụng đất và khu vực như sau:

Mục đích sử dụng đất thuê	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
Kinh doanh dịch vụ, thương mại; tài chính; nhà hàng; khách sạn; nhà ở cho thuê; văn phòng làm việc và cho thuê.	2,0	1,8	1,6	1,4	1,2
- Sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; nhà kho, nhà xưởng; hoạt động khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ; đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất xây dựng siêu thị, cửa hàng thương mại - dịch vụ bán hàng bình ổn giá; cửa hàng xăng dầu. - Xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê tại các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất; bến cảng, bến tàu, bến phà, bến đò, bến xe, nhà ga, sân bay, đất xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không sân bay; sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.	1,2	1,1	1,05	1,0	1,0

Trong đó, các khu vực được xác định như sau:

- **Khu vực 1, gồm:** Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, Quận 11, quận Tân Bình và quận Phú Nhuận;
- **Khu vực 2, gồm:** Quận 6, quận 7, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Tân Phú;
- **Khu vực 3, gồm:** Quận 2, Quận 8, Quận 9, Quận 12, quận Bình Tân, quận Thủ Đức;
- **Khu vực 4, gồm:** Huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn;
- **Khu vực 5:** Huyện Cần Giờ.

3. Nhóm 3: Trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo khu vực như sau:

- **Khu vực 1, gồm:** Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, Quận 11, quận Tân Bình và quận Phú Nhuận: Hệ số điều chỉnh giá đất là **hai (2,0) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 2, gồm:** Quận 6, quận 7, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Tân Phú: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy tám (1,8) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 3, gồm:** quận 2, quận 8, quận 9, quận 12, quận Bình Tân, quận Thủ Đức: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy sáu (1,6) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 4, gồm:** Huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy bốn (1,4) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

- **Khu vực 5, Huyện Cần Giờ:** Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy hai (1,2) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố.

4. Ngoài việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, tùy theo vị trí, hệ số sử dụng đất để tính bổ sung thêm hệ số như sau:

a) Trường hợp khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính có vị trí tiếp giáp từ hai (02) mặt tiền đường trở lên (đường có tên trong Bảng giá đất), thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

b) Đối với trường hợp sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, thì tùy theo hệ số sử dụng đất của khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính để tính bổ sung hệ số tăng thêm như sau:

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất dưới 6,0 lần hoặc không xác định rõ hệ số sử dụng đất, thì được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 6,0 đến dưới 8,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 5% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 8,0 đến dưới 10,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 10,0 đến dưới 12,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 15% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 12,0 đến dưới 14,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 20% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 14,0 đến dưới 16,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 25% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 16,0 lần trở lên thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 30% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp khu đất, thửa đất thỏa mãn cả hai yếu tố quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm theo quy định tại Điểm a trước, sau đó tiếp tục tính tăng thêm theo quy định tại Điểm b Khoản này.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Hàng năm phối hợp với các Sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện để trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cục Thuế thành phố, Chi cục Thuế quận - huyện có trách nhiệm: Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm:

a) Chi đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính, Chi cục Thuế, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp với các cơ quan có liên quan ở quận - huyện thực hiện việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

1. Các trường hợp đã áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện nghĩa vụ tài chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng và không điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

2. Các trường hợp được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tại thời điểm thực hiện nộp nghĩa vụ tài chính) dưới 30 tỷ đồng, nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định và phê duyệt giá đất cụ thể, thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điều 2 Quyết định này để thực hiện thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không lựa chọn hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 2 Quyết định này để thực hiện nghĩa vụ tài chính, thì áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để xác định giá đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Điều 5. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện phản ánh kịp thời cho các Sở, ngành chức năng có liên quan để được hướng dẫn thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền thì các Sở, ngành chức năng có ý kiến đề xuất và trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.

2. Các trường hợp đủ điều kiện áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điều 1 Quyết định này, phát sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực, được áp dụng quy định tại Quyết định này để thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1379/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1270/BC-STP ngày 15 tháng 3 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 2 văn bản sau đây của Ủy ban nhân dân Thành phố do không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành:

- Quyết định số 61/2003/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- Chỉ thị số 09/2006/CT-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2006 về triển khai thực hiện Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1386/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu, tỷ lệ 1/2000

**Khu dân cư liên phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông
(phía Nam), Phú Thuận (phía Bắc rạch Bà Bướm), Quận 7**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 4969/TTr-SQHKT ngày 28 tháng 12 năm 2015 về trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông (phía Nam), Phú Thuận (phía Bắc rạch Bà Bướm), Quận 7,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông (phía Nam), Phú Thuận (phía Bắc rạch Bà Bướm), Quận 7 với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực điều chỉnh quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông : giáp sông Sài Gòn và khu Chế xuất Tân Thuận ;

+ Phía Tây : giáp đường Huỳnh Tấn Phát và đường Lâm Văn Bền;

+ Phía Nam : giáp đường Nguyễn Thị Thập và phần còn lại của phường Phú Thuận;

+ Phía Bắc : giáp kênh Tè (Quận 4) và đường lên cầu Tân Thuận 1,

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 495,57 ha; ranh quy hoạch gồm các đồ án:

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường Tân Thuận Tây do Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt tại Quyết định số 37/QĐ-UB-QLĐT ngày 23 tháng 6 năm 2005;

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường Bình Thuận do Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt tại Quyết định số 39/2005/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2005;

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường Tân Thuận Đông (phía Nam) do Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt tại Quyết định số 57/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 26 tháng 8 năm 2005;

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phía Bắc rạch Bà Bướm, phường Phú Thuận, Quận 7 do Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt tại Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 22 tháng 9 năm 2005.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: Khu dân cư đan xen giữa khu dân cư hiện hữu được cải tạo chỉnh trang, khu dân cư xây dựng mới và khu chức năng hỗn hợp.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:

Ủy ban nhân dân Quận 7 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 7).

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Bình Chánh.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch phân khu gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7;

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

5. Quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

5.1. Quy mô dân số: 116.605 người

5.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

Số TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m ² /người	42,5
B	Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn khu quy hoạch	m ² /người	30-40
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong cấp đơn vị ở		
	- Đất các nhóm nhà ở	m ² /người	18 - 24
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi, sân bãi thể dục thể thao)	m ² /người	≥ 2,0

	- Đất công trình dịch vụ đô thị khác cấp đơn vị ở. + Đất giáo dục + Trạm y tế. + Chợ. + Trung tâm thể dục thể thao (luyện tập). + Điểm sinh hoạt văn hóa. + Trung tâm hành chính cấp phường. + Trung tâm dịch vụ khác.	m ² /người m ² /người m ² m ² /người hoặc ha/c.trình m ² m ² m ²	1,7 - 2,0 m ² /người (sẽ nghiên cứu, đề xuất cụ thể trong giai đoạn lập bước đồ án)
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km ²	
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Tiêu chuẩn cấp nước	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn thoát nước	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	3.000
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,2

6. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản về phân khu chức năng, kiến trúc, kết nối hạ tầng trong khu vực quy hoạch:

- Trên cơ sở định hướng phát triển không gian; điều kiện và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại từng khu vực theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7, điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành các Quy định về quản lý kiến trúc đô thị của các cơ quan có thẩm quyền để xác định các khu chức năng, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị phù hợp tại từng khu chức năng, từng ô đường;

- Nội dung nghiên cứu của đồ án cần đáp ứng yêu cầu theo định hướng các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; mạng lưới giao thông được tổ chức và kết nối theo tầng bậc, được cập nhật và đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng, các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trong phạm vi khu vực quy hoạch; kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) tiếp giáp khu vực quy hoạch, phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7 và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt.

- Xác định ranh các đơn vị ở phù hợp, trong đó có trung tâm cấp đơn vị ở và các nhóm ở theo từng loại hình nhà ở (thấp tầng, cao tầng); các đơn vị ở cần được nghiên

cứu xác định với quy mô dân số và cơ cấu sử dụng đất phù hợp (đường giao thông chính đô thị không chia cắt đơn vị ở); các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, sân chơi - thể dục thể thao v.v... đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở và các đơn vị ở phù hợp với QCVN 01:2008/BXD.

- Nội dung nghiên cứu quy hoạch cải tạo chỉnh trang tại các khu dân cư hiện hữu ổn định, cải tạo chỉnh trang theo hướng tránh gây xáo trộn lớn đến cuộc sống của cộng đồng dân cư. Tại các khu vực tái thiết đô thị (khu dân cư hiện hữu cần phá bỏ để xây dựng mới) cần ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ, bên cạnh việc cần có chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng phù hợp, khuyến khích người dân hợp tác đầu tư vào những dự án đầu tư xây dựng nhóm nhà ở tập trung nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng sử dụng đất và thay đổi dần bộ mặt đô thị theo hướng chuyển đổi mô hình ở từ thấp tầng thành cao tầng, giảm mật độ xây dựng, nâng tầng cao, tạo quỹ đất cho các công trình phúc lợi công cộng và cây xanh, cải thiện, nâng cao điều kiện - môi trường sống cho cộng đồng dân cư. Khu vực tiếp giáp các sông, kênh, rạch cần phát huy ưu thế địa hình sông nước, tạo không gian mở hài hòa với cảnh quan chung tại khu vực; phát triển mô hình nhà vườn thấp tầng với mật độ xây dựng thấp, các công trình cao tầng được bố trí lùi dần phía sau theo nguyên tắc cao dần về phía bên trong so với sông, kênh, rạch.

- Tận dụng các quỹ đất trống, hoang hóa nhằm phân bổ diện tích công viên cây xanh và sân chơi thể dục thể thao tập trung cho các đơn vị ở kết hợp khai thác cảnh quan dọc sông, kênh, rạch hiện hữu, tổ chức mảng xanh kết hợp mặt nước tạo không gian thông thoáng, vi khí hậu tốt, thuận lợi cho người dân tiếp cận sử dụng.

- Dọc các tuyến sông, kênh, rạch cần nghiên cứu đề xuất các tuyến đường giao thông ven sông, kênh, rạch có kết nối với mạng lưới giao thông toàn khu, phù hợp với cảnh quan bờ sông, kênh, rạch. Đối với việc mở rộng hoặc nắn hướng tuyến các tuyến đường hiện hữu, cần lưu ý tính khả thi, tránh xáo trộn lớn đến cuộc sống của cộng đồng dân cư.

7. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thái rắn, nước thái, tiếng ồn; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

8. Hồ sơ sản phẩm của đồ án, tiến độ và tổ chức thực hiện:

8.1. Danh mục, hồ sơ sản phẩm của đồ án (17 bộ):

- Thuyết minh tổng hợp;
- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000;
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000;
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;
 - + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện chiếu sáng;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;
 - + Bản đồ hiện trạng môi trường.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000 (có thể hiện sơ đồ thu nhỏ xác định ranh các đơn vị ở trên bản vẽ này);
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000;
- Bản đồ thiết kế đô thị;
- Bản đồ quy hoạch giao thông;
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (*tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông*);
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000, bao gồm:
 - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị;

- + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị;
- + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị;
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật;
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000;
- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, bao gồm thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.

8.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

a) Tiến độ thực hiện:

- Thời gian lập đồ án: không quá 09 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ.
- Thời gian thẩm định, phê duyệt đồ án: không quá 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

b) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân Quận 7 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 7)
- Đơn vị tư vấn: Ủy ban nhân dân Quận 7 lựa chọn đơn vị tư vấn có uy tín, kinh nghiệm và đủ điều kiện năng lực thực hiện đồ án theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành.

- Cơ quan thẩm định : Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phê duyệt : Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án quy hoạch phân khu:

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: Nội dung nghiên cứu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cần giữ gìn tính chất đặc thù, phát huy được bản sắc, đồng thời xác định các khu vực dọc các sông, kênh, rạch, trục đường chính như: khu vực quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử, khu vực bảo tồn, khu vực công trình có giá trị về di sản kiến trúc v.v..., để có kế hoạch lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị khu vực cụ thể (Quy chế cấp 2) theo Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị và Thông tư số

19/2010/TT-BXD ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, làm cơ sở quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch.

- Tại các khu dân cư hiện hữu, cần xác định rõ các khu vực, phạm vi được áp dụng Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiến trúc nhà liền kề trong khu đô thị hiện hữu tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố (các Quyết định này được xem như là tiêu chuẩn thiết kế áp dụng tại Thành phố); trên cơ sở chức năng sử dụng đất hiện trạng và định hướng tổ chức phát triển không gian kiến trúc tại từng khu vực để áp dụng các Quyết định này trong nội dung nghiên cứu lập đồ án quy hoạch, không áp dụng tràn lan trong phạm vi quy hoạch. Tại các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp cần xác định cơ cấu, tỷ lệ các chức năng sử dụng đất (ưu tiên dành quỹ đất để bố trí công trình công cộng, cây xanh), quy mô dân số để cân đối, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho phù hợp trong phạm vi quy hoạch.

- Về bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: Trong phạm vi đồ án cần nghiên cứu bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phục vụ cho khu vực quy hoạch và cấp đô thị, phù hợp với định hướng đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7.

- Quy hoạch hệ thống giao thông phù hợp với tính chất là một khu đô thị hiện hữu cải tạo, chỉnh trang, kết nối đồng bộ theo tầng bậc, đồng thời cải tạo mở rộng các tuyến đường hiện hữu cho phù hợp mạng lưới giao thông theo quy hoạch chung Quận 7 và tỷ lệ giao thông theo quy chuẩn xây dựng, song song với việc nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

- Cần lưu ý dành quỹ đất thích hợp (đặc biệt là các quỹ đất công) để bố trí các công trình phúc lợi công cộng - hạ tầng xã hội, cây xanh; đồng thời lưu ý dành quỹ đất phù hợp để bố trí các công trình bến bãi đậu xe, phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông, bến bãi trên địa bàn Thành phố.

- Căn cứ vào định hướng phân khu chức năng và phát triển không gian, cảnh quan kiến trúc, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cần xác định các khu vực, quỹ đất phù hợp để xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở

xã hội, trong phạm vi quy hoạch để đáp ứng nhu cầu theo chương trình phát triển nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội.

- Tại các khu vực ven sông, kênh, rạch cần lưu ý tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cần lưu ý tiếp thu, ghi nhận và giải trình các ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch (theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở) để có giải pháp quy hoạch phù hợp, khả thi.

- Nội dung hồ sơ, hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ đồ án cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị. Tầng cao công trình cần được xác định theo QCVN 03:2012/BXD.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 7, đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu nghiên cứu, các số liệu đánh giá hiện trạng, tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông (phía Nam), Phú Thuận (phía Bắc rạch Bà Bướm), Quận 7.

- Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt này, Ủy ban nhân dân Quận 7 cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông (phía Nam), Phú Thuận (phía Bắc rạch Bà Bướm), Quận 7 trong thời hạn theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường liên phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông (phía Nam), Phú Thuận (phía Bắc rạch Bà Bướm), Quận 7 được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin truyền thông, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố; Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông, Phú Thuận, Quận 7 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1394/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng tỷ lệ 1/500 Khu vực nút giao thông
Vành đai 2 - Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ “Quy định về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị”;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 742/TTr-SQHKT ngày 09 tháng 3 năm 2016 về trình duyệt nhiệm vụ “Thiết kế đô thị riêng tỷ lệ 1/500 Khu vực nút giao thông Vành đai 2 - Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ “Thiết kế đô thị riêng tỷ lệ 1/500 Khu vực nút giao thông Vành đai 2 - Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây”, với nội dung như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực thiết kế đô thị riêng:

- Vị trí: khu vực xung quanh nút giao thông Vành đai 2 - Cao tốc Long Thành - Dầu Giây - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực nghiên cứu như sau:

+ Phía Đông giáp : đường Vành đai 2 và rạch hiện hữu và dự án nhà ở.

+ Phía Tây giáp : rạch Bà Cua và dự án nhà ở.

+ Phía Nam giáp : đường hiện trạng và dự án nhà ở.

+ Phía Bắc giáp : đường hiện trạng và dự án nhà ở.

- Tổng diện tích khu vực nghiên cứu: 145.278,1 m².

- Tính chất của khu vực nghiên cứu: khu vực giao thông cửa ngõ theo hướng Đông Thành phố, nút giao thông khác cao độ (cốt) quy mô lớn, xung quanh có nhiều dự án phát triển nhà ở đang dần hình thành.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án Thiết kế đô thị riêng:

Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng Thành phố (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc).

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ Thiết kế đô thị riêng:

Viện Quy hoạch Xây dựng (thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố).

4. Hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ Thiết kế đô thị riêng:

- Thuyết minh nhiệm vụ thiết kế đô thị;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí khu vực nghiên cứu lập thiết kế đô thị riêng trích từ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập thiết kế đô thị riêng tỷ lệ 1/500-1/1000.

5. Nội dung định hướng thiết kế nhiệm vụ Thiết kế đô thị riêng:**5.1. Về không gian, kiến trúc, cảnh quan:**

- Đối với các khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết hoặc những khu vực có quỹ đất lớn được thu hồi để chuyển đổi chức năng, thiết kế đô thị cần xem xét áp dụng không gian quy hoạch hiện đại. Ngoài ra, để đảm bảo tăng cường tính khả thi cho đồ án, cần đề xuất thay đổi về không gian so với quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đã được duyệt tại những khu vực nhất định.

- Tổ chức khu nhà ở cao tầng, khu phức hợp tại khu vực có quỹ đất lớn, có khoảng lùi lớn và đảm bảo tiếp cận không ảnh hưởng tới giao thông xuyên suốt trên trục đường Vành đai 2 và trục Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây với nguyên tắc:

+ Phát triển tầng cao, giảm mật độ xây dựng, khoảng lùi phù hợp và tạo không gian mở kết hợp với cảnh quan kênh rạch tự nhiên của khu vực thiết kế nhằm đảm bảo giảm tiếng ồn, hạn chế bụi, tránh ảnh hưởng lưu thông khu vực.

+ Tổ chức một số công trình cao tầng điểm nhấn có chọn lọc tại những vị trí quan trọng trong không gian đô thị.

- Đối với những khu nhà ở hiện hữu có cấu trúc đô thị hoàn thiện, đồng bộ, kiến trúc cảnh quan tổ chức tốt thì đề xuất giữ hiện trạng kết hợp chỉnh trang. Hạn chế chiều cao xây dựng trong những khu dân cư hiện hữu chỉnh trang, khu biệt thự, khu công trình công cộng. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Khu vực cửa ngõ Thành phố, có cảnh quan sông nước và đặc trưng văn hóa truyền thống cần được bảo tồn và khai thác tối đa các yếu tố cảnh quan sông nước, các nút giao thông lớn, các khoảng cách ly cây xanh nhằm tăng không gian mở, cây xanh cho Thành phố, tạo lập không gian mở, bổ sung cây xanh, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và sử dụng.

- Cân nhắc bố trí các công trình kiến trúc tượng đài, kiến trúc điểm nhấn ở những vị trí quan trọng như nút giao thông lớn, khu chức năng đất hỗn hợp, khu công viên cây xanh tập trung,...

5.2. Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Về giao thông:

- Tăng cường và khai thác giao thông công cộng: tổ chức nút giao thông kết nối với hệ thống giao thông chung của khu vực và giao thông nội bộ của từng khu vực; tăng cường khả năng tiếp cận (nếu cần thiết) với một số khu chức năng có định hướng thích hợp. Đồng thời, kết nối và khai thác giao thông công cộng, thể hiện qua phương án thiết kế thông minh, đưa giao thông công cộng đến gần người dân đô thị, góp phần giảm kẹt xe và ô nhiễm môi trường.

- Kết nối giao thông hai bên trục đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và Vành đai 2: nghiên cứu đề xuất hợp lý các trục đường gom kết nối các khu dân cư hai bên trục đường Vành đai 2, xây dựng các cầu vượt dành cho người đi bộ, kết hợp với các khu chức năng hợp lý và bảo đảm cảnh quan đô thị.

- Giảm thiểu ảnh hưởng của các công trình xây dựng đối với giao thông dọc tuyến đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và Vành đai 2: hạn chế công trình xây dựng tiếp cận trực tiếp hoặc bố trí lối ra vào xe cơ giới trên trục đường Vành đai 2 và đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; đối với công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ lớn, công trình đa chức năng cần có khoảng lùi lớn, tổ chức đường đi bộ không gian mở, cây

xanh. Lối vào công trình và bãi đậu xe cơ giới bố trí ở sau hoặc bên hông công trình. Hạn chế xây dựng nhà phố tiếp cận trực tiếp trục đường.

b) Về các hạ tầng kỹ thuật đô thị khác:

- Tuân thủ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 9, các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 nhằm kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu vực chức năng trong và ngoài phạm vi thiết kế đô thị.

- Áp dụng các Tiêu chuẩn trong việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật nhằm đảm bảo các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập thiết kế đô thị.

5.3. Về tiện ích đô thị khác:

- Khảo sát hiện trạng về việc bố trí, sử dụng và đánh giá chất lượng cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu mới của các công trình tiện ích và trang thiết bị đô thị như thiết bị phục vụ cho người tàn tật, khiếm thị, nhà vệ sinh công cộng, chiếu sáng, biển báo, ghế đá, thùng rác,...

- Về định hướng hạ tầng kỹ thuật đô thị trong giai đoạn đồ án cần nghiên cứu kỹ đề xuất giải pháp chống ồn, chống khói bụi cho khu dân cư xung quanh.

- Về định hướng tiện ích đô thị và tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội cần có giải pháp tổ chức via hè kết hợp không gian mở, mảng xanh vườn hoa, công viên...thành những không gian sinh hoạt cộng đồng cho khu vực.

5.4. Về đánh giá môi trường:

Đánh giá môi trường không khí, nước, tiếng ồn,..., xác định các nguồn ô nhiễm từ đó đề ra các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư xây dựng dự án cũng như trong quá trình khai thác sử dụng.

6. Thành phần hồ sơ:

TT	Tên hồ sơ sản phẩm	Số lượng (hoặc tỷ lệ)
A	Hồ sơ nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.	17 bộ
1	Thuyết minh nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng.	
2	Sơ đồ vị trí khu vực nghiên cứu trích từ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.	1/5.000- 1/10.000

3	Bản đồ ranh giới và phạm vi khu vực lập thiết kế đô thị riêng	1/2000- 1/5.000
B	Hồ sơ đồ án thiết kế đô thị riêng	17 bộ
1	Sơ đồ vị trí, mối liên hệ khu vực thiết kế với đô thị: - Sơ đồ vị trí ranh giới khu vực thiết kế và giới hạn các vùng ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan khu vực)	1/2000 - 1/5.000
2	Các bản vẽ phân tích đánh giá hiện trạng: - Phân tích đánh giá thể hiện dựa trên cơ sở bản đồ địa hình có tỷ lệ tương ứng. - Các sơ đồ phân tích hiện trạng kiến trúc cảnh quan khu vực (vẽ mặt đứng, mặt cắt, mặt bằng, sơ đồ, bảng biểu thể hiện cảnh quan hiện trạng, các tuyến phố chính, các không gian mở, không gian công cộng trong khu vực). - Phân tích chức năng sử dụng đất, giao thông,... trên nền các đồ án quy hoạch phân khu liên quan đã được duyệt.	1/200- 1/1000
3	Các bản vẽ chi tiết (mặt cắt không gian, mặt bằng tổng thể, mặt đứng, phối cảnh minh họa) tỷ lệ 1/500-1/200. Trong trường hợp cần làm rõ kiến trúc một số công trình tiêu biểu, đặc trưng, điểm nhấn tại những khu vực cụ thể thì tỷ lệ bản vẽ 1/200-1/100: - Sơ đồ cơ cấu thiết kế đô thị, bản vẽ quy hoạch sử dụng đất đề xuất (phương án chọn - thể hiện tổ chức hướng tuyến, trục cảnh quan và hệ thống điểm nhấn; tổ chức hệ thống không gian mở và những vùng cảnh quan đặc thù). - Sơ đồ thiết kế đô thị khung (thể hiện cấu trúc khu vực, điểm nhấn, điểm nhìn, tầm nhìn, các không gian công cộng, các quảng trường lớn, các không gian cây xanh, mặt nước, hệ thống giao thông, vỉa hè và tiện ích hạ tầng cơ sở và hình thái phát triển không gian cao theo lô và theo tuyến trục. - Bản vẽ các khu vực chính cần phải không chế, tuân thủ về cảnh quan. - Các bản vẽ quy định chiều cao, khoảng lùi và mật độ xây dựng. - Bản vẽ minh họa về bảo tồn và xây dựng mới bao gồm quy định chiều cao công trình và chiều cao tầng một của công trình; quy định hình khối kiến trúc, mặt đứng, mái, mái hiên, ô văng, ban công, màu sắc, ánh sáng, hình thức kiến trúc, và những quy định không chế như chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt nền công trình, chiều cao không chế công trình theo tuyến phố, lô phố.	1/100-1/500 (nếu có)

	- Các bản vẽ minh họa triển khai chi tiết (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt không gian thể hiện mối quan hệ giữa công trình với không gian đường phố; bản đồ tổ chức không gian 3 chiều cho các khu trung tâm, quảng trường chính, các tuyến phố, lô phố trong khu vực).	
4	Bản vẽ quy định về kỹ thuật hạ tầng (mặt cắt cốt đường, cốt xây dựng nền đường, cốt xây dựng vỉa hè, các quy định về chiếu sáng, trang thiết bị đường phố và các công trình tiện ích khác trong đô thị) thể hiện tỷ lệ 1/500.	1/200-1/500
5	Quy định quản lý theo đồ án thiết kế đô thị riêng.	
6	Thuyết minh tổng hợp (phù hợp với nội dung trong thiết kế đô thị riêng và các bản vẽ).	
7	Phần mô hình: mô hình thực hiện với tỷ lệ 1/500, vật liệu làm mô hình phù hợp ý tưởng Thiết kế đô thị. Trường hợp cần thiết phải làm rõ những khu vực có công trình, điểm nhấn, ý tưởng chính của đồ án thì mô hình thực hiện với tỷ lệ 1/200.	1/200-1/500
8	Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ.	

7. Tiến độ thực hiện đồ án: thời gian lập đồ án thiết kế đô thị riêng tối đa 09 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ.

8. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng Thành phố (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc).

- Đơn vị tư vấn thiết kế: Viện Quy hoạch Xây dựng (thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố).

- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Các nội dung lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án thiết kế đô thị riêng:

- Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng này được phê duyệt và các Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, các Tiêu chuẩn thiết kế, Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư đô thị tại phường Phú Hữu, Quận 9 và Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị riêng dọc tuyến Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây được cấp thẩm quyền phê duyệt; định hướng phát triển không gian; điều kiện và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại từng khu vực theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã

được phê duyệt, để làm cơ sở xác định các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, kiến trúc công trình, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất trong đồ án thiết kế đô thị riêng này.

- Hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2005 của Bộ Xây dựng về ban hành quy định về hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và thực hiện theo Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

- Nêu các pháp lý liên quan đến phương án thiết kế các nút giao thông (nếu có).

- Tiếp thu, giải trình (nếu có) các ý kiến góp ý để bổ sung giải pháp về quy hoạch - kiến trúc, giải pháp giảm ồn, giảm khói bụi,..., cho khu vực nghiên cứu.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng Thành phố (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc), đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng tỷ lệ 1/500 Khu vực nút giao thông Vành đai 2 - Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.

- Trên cơ sở nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng được phê duyệt này, Cơ quan tổ chức lập thiết kế đô thị riêng cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng trong thời hạn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng tỷ lệ 1/500 Khu vực nút giao thông Vành đai 2 - Cao tốc Long Thành - Dầu Giây - Thành phố Hồ Chí Minh được nêu tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu và Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng Thành phố

(thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc), các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1419/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
khu dân cư liên phường Tân Kiểng, Tân Quy,
một phần phường Tân Phong và một phần phường Tân Phú, Quận 7**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 4968/TTr-SQHKT ngày 28 tháng 12 năm 2015 về trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Tân Kiểng, Tân Quy, một phần phường Tân Phong và một phần phường Tân Phú, Quận 7,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường Tân Kiểng, Tân Quy, một phần phường Tân Phong và một phần phường Tân Phú, Quận 7 với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực điều chỉnh quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: Theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Quận 7 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 12/11/2012, khu vực quy hoạch thuộc một phần Khu 1 (phường Tân Kiểng, phường Tân Quy, một phần phường Tân Phong) và một phần thuộc Khu 4 (một phần phường Tân Phú).

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông : Giáp phường Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Phú Thuận;

+ Phía Tây : Giáp phường Tân Hưng;

+ Phía Nam : Giáp Rạch Bàng và phường Phú Mỹ;

+ Phía Bắc : Giáp kênh Tẻ, Quận 4.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 396,27 ha; ranh quy hoạch gồm các đồ án:

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Tân Kiểng đã được Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt tại Quyết định số 56/QĐ-UBND-QLĐT ngày 26 tháng 8 năm 2005.

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Tân Quy đã được Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt tại Quyết định số 36/2005/QĐ-UB-QLĐT ngày 23 tháng 6 năm 2005.

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 một phần phường Tân Phú (ngoài ranh khu A khu đô thị mới Nam Thành phố) đã được Ủy ban nhân dân Quận 7 phê duyệt tại Quyết định số 38/2005/QĐ-UB-QLĐT ngày 23 tháng 6 năm 2005.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: Khu dân cư hiện hữu chỉnh trang kết hợp xây dựng mới.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:

Ủy ban nhân dân Quận 7 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 7).

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch:

Công ty TNHH Quy hoạch - Kiến trúc S.P.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7;

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số: 92.300 người

5.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m ² /người	Khoảng 42,93

B	Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn khu quy hoạch	m ² /người	30 - 40
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong cấp đơn vị ở		
	- Đất các nhóm nhà ở	m ² /người	25 - 35
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi, sân bãi TDTT)	m ² /người	≥ 2,0 - 3,5
	- Đất công trình dịch vụ đô thị khác cấp đơn vị ở: + Đất giáo dục + Trạm y tế. + Chợ. + Trung tâm TDTT (luyện tập). + Điểm sinh hoạt văn hóa. + Trung tâm hành chính cấp phường. + Trung tâm dịch vụ khác.	m ² /người m ² m ² m ² /người hoặc ha/c.trình m ² m ² m ²	1,48- 2,0 (sẽ nghiên cứu, đề xuất cụ thể trong giai đoạn lập bước đồ án)
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km ²	10 – 15
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Tiêu chuẩn cấp nước	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn thoát nước	Lít/người/ngày	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	3.000
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,2

6. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản về phân khu chức năng, kiến trúc, kết nối hạ tầng trong khu vực quy hoạch:

- Trên cơ sở định hướng phát triển không gian; điều kiện và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại từng khu vực theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7, điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành, các Quy định về quản lý kiến trúc đô thị của các cơ quan có thẩm quyền để xác định các khu chức năng, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị phù hợp tại từng khu chức năng, từng ô đường;

- Nội dung nghiên cứu của đề án cần đáp ứng yêu cầu theo định hướng các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; mạng lưới giao thông được tổ chức và kết nối theo tầng bậc, được cập nhật và đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng, các đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trong phạm vi khu vực quy hoạch; kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) tiếp giáp khu vực quy hoạch, phù hợp với đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7 và đề án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí các công trình cao tầng dọc các trục giao thông chính có động lực phát triển.

- Xác định ranh các đơn vị ở phù hợp, trong đó có trung tâm cấp đơn vị ở và các nhóm ở theo từng loại hình nhà ở (thấp tầng, cao tầng); các đơn vị ở cần được nghiên cứu xác định với quy mô dân số và cơ cấu sử dụng đất phù hợp (đường giao thông chính đô thị không chia cắt đơn vị ở); các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, sân chơi - thể dục thể thao v.v... đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở và các đơn vị ở phù hợp với QCVN 01:2008/BXD.

- Nội dung nghiên cứu quy hoạch cải tạo chỉnh trang tại các khu dân cư hiện hữu ổn định, cải tạo chỉnh trang theo hướng tránh gây xáo trộn lớn đến cuộc sống của cộng đồng dân cư. Tại các khu vực tái thiết đô thị (khu dân cư hiện hữu cần phá bỏ để xây dựng mới) cần ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ, bên cạnh việc cần có chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng phù hợp, khuyến khích người dân hợp tác đầu tư vào những dự án đầu tư xây dựng nhóm nhà ở tập trung nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng sử dụng đất và thay đổi dần bộ mặt đô thị theo hướng chuyển đổi mô hình ở từ thấp tầng thành cao tầng, giảm mật độ xây dựng, nâng tầng cao, tạo quỹ đất cho các công trình phúc lợi công cộng và cây xanh, cải thiện, nâng cao điều kiện - môi trường sống cho cộng đồng dân cư. Khu vực tiếp giáp các sông, kênh, rạch cần phát huy ưu thế địa hình sông nước, tạo không gian mở hài hòa với cảnh quan chung tại khu vực; phát triển mô hình nhà vườn thấp tầng với mật độ xây dựng thấp, các công trình cao tầng được bố trí lùi dần phía sau theo nguyên tắc cao dần về phía bên trong so với sông, kênh, rạch.

- Tận dụng các quỹ đất trống, hoang hóa nhằm phân bổ diện tích công viên cây xanh và sân chơi thể dục thể thao tập trung cho các đơn vị ở kết hợp khai thác cảnh

quan dọc sông, kênh, rạch hiện hữu, tổ chức mảng xanh kết hợp mặt nước tạo không gian thông thoáng, vi khí hậu tốt, thuận lợi cho người dân tiếp cận sử dụng.

- Dọc các tuyến sông, kênh, rạch cần nghiên cứu đề xuất các tuyến đường giao thông ven sông, kênh, rạch có kết nối với mạng lưới giao thông toàn khu, phù hợp với cảnh quan bờ sông, kênh, rạch. Đối với việc mở rộng hoặc nắn hướng tuyến các tuyến đường hiện hữu, cần lưu ý tính khả thi, tránh xáo trộn lớn đến cuộc sống của cộng đồng dân cư.

7. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

8. Hồ sơ sản phẩm của đề án, tiến độ và tổ chức thực hiện:

8.1. Danh mục, hồ sơ sản phẩm của đề án (17 bộ):

- Thuyết minh tổng hợp;
- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000;
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000;
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;
 - + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện chiếu sáng;
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;

- + Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
- + Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;
- + Bản đồ hiện trạng môi trường.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000 (có thể hiện sơ đồ thu nhỏ xác định ranh các đơn vị ở trên bản vẽ này);
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000;
- Bản đồ thiết kế đô thị;
- Bản đồ quy hoạch giao thông;
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (*tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông*);
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000, bao gồm:
 - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;
 - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật;
 - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;
 - Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000;
 - Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, bao gồm thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.

8.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

a) Tiến độ thực hiện:

- Thời gian lập đồ án: không quá 09 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ.
- Thời gian thẩm định, phê duyệt đồ án: không quá 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

b) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân Quận 7 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 7)

- Đơn vị tư vấn: Ủy ban nhân dân Quận 7 lựa chọn đơn vị tư vấn có uy tín, kinh nghiệm và đủ điều kiện năng lực thực hiện đồ án theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành.

- Cơ quan thẩm định : Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phê duyệt : Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án quy hoạch phân khu:

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: Nội dung nghiên cứu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cần giữ gìn tính chất đặc thù, phát huy được bản sắc, đồng thời xác định các khu vực dọc các sông, kênh, rạch, trục đường chính như: khu vực quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử, khu vực bảo tồn, khu vực công trình có giá trị về di sản kiến trúc v.v..., để có kế hoạch lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị khu vực cụ thể (Quy chế cấp 2) theo Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị và Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, làm cơ sở quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch.

- Tại các khu dân cư hiện hữu, cần xác định rõ các khu vực, phạm vi được áp dụng Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố (các Quyết định này được xem như là tiêu chuẩn thiết kế áp dụng tại Thành phố); trên cơ sở chức năng sử dụng đất hiện trạng và định hướng tổ chức phát triển không gian kiến trúc tại từng khu vực để áp dụng các Quyết định này trong nội dung nghiên cứu lập đồ án quy hoạch, không áp dụng tràn lan trong phạm vi quy hoạch. Tại các khu đất có

chức năng sử dụng hỗn hợp cần xác định cơ cấu, tỷ lệ các chức năng sử dụng đất (ưu tiên dành quỹ đất để bố trí công trình công cộng, cây xanh), quy mô dân số để cân đối, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho phù hợp trong phạm vi quy hoạch.

- Về bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: Trong phạm vi đồ án cần nghiên cứu bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phục vụ cho khu vực quy hoạch và cấp đô thị, phù hợp với định hướng đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7.

- Quy hoạch hệ thống giao thông phù hợp với tính chất là một khu đô thị hiện hữu cải tạo, chỉnh trang, kết nối đồng bộ theo tầng bậc, đồng thời cải tạo mở rộng các tuyến đường hiện hữu cho phù hợp mạng lưới giao thông theo quy hoạch chung Quận 7 và tỷ lệ giao thông theo quy chuẩn xây dựng, song song với việc nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

- Cần lưu ý dành quỹ đất thích hợp (đặc biệt là các quỹ đất công) để bố trí các công trình phúc lợi công cộng - hạ tầng xã hội, cây xanh; đồng thời lưu ý dành quỹ đất phù hợp để bố trí các công trình bến bãi đậu xe, phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông, bến bãi trên địa bàn Thành phố.

- Căn cứ vào định hướng phân khu chức năng và phát triển không gian, cảnh quan kiến trúc, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cần xác định các khu vực, quỹ đất phù hợp để xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội, trong phạm vi quy hoạch để đáp ứng nhu cầu theo chương trình phát triển nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội.

- Tại các khu vực ven sông, kênh, rạch cần lưu ý tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cần lưu ý tiếp thu, ghi nhận và giải trình các ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch (theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở) để có giải pháp quy hoạch phù hợp, khả thi.

- Nội dung hồ sơ, hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ đồ án cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị. Tầng cao công trình cần được xác định theo QCVN 03:2012/BXD.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 7 và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu, các số liệu đánh giá hiện trạng tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Tân Kiểng, Tân Quy, một phần phường Tân Phong và một phần phường Tân Phú, Quận 7.

- Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt này, Ủy ban nhân dân Quận 7 tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Tân Kiểng, Tân Quy, một phần phường Tân Phong và một phần phường Tân Phú, Quận 7 trong thời hạn theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường Tân Kiểng, Tân Quy, một phần phường Tân Phong và một phần phường Tân Phú, Quận 7 được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường Tân Kiểng, Tân Quy, Tân

Phong, Tân Phú, Quận 7 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1442/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch trồng rừng và cây xanh
trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Quản lý bảo vệ, phát triển các loại rừng và cây xanh Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án trồng rừng và cây xanh Thành phố giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 342/TTr-SNN ngày 26 tháng 02 năm 2016 về ban hành Kế hoạch trồng rừng và cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch trồng rừng và cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Căn cứ nội dung Kế hoạch trồng rừng và cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 đã được phê duyệt, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Trưởng Ban chỉ đạo, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Trồng rừng và cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1442/QĐ-UBND

Ngày 26 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Công tác trồng rừng, cây xanh đô thị, cây lâm nghiệp phân tán, cây ven sông, kênh, rạch, cây xanh đường phố,... của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố trong giai đoạn 2011-2015 đã thực hiện vượt kế hoạch đề ra là 5.164.092 cây (theo kế hoạch: 4.454.000 cây), tương đương diện tích quy đổi 1.216,9 ha.

I. CÂY TRỒNG PHÂN TÁN

- Cây trồng phân tán do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự trồng: Giai đoạn 2011 - 2015, các tổ chức, gia đình, cá nhân đã tự túc kinh phí trồng 3.029.165 cây các loại, với diện tích quy đổi 412 ha.

- Chi cục Lâm nghiệp đã cung cấp 1.535.031 cây giống trồng phân tán cho các đơn vị, quận, huyện, trường học, lực lượng vũ trang, các xã thực hiện chương trình nông thôn mới, tương đương diện tích quy đổi 595 ha. Cung cấp 667 cây Bàng Trường Sa cho các trường học trên địa bàn trồng nhân dịp khai giảng năm học mới trong 2 năm 2013, 2014 nhằm tuyên truyền giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ biển đảo quê hương, chủ quyền Tổ quốc đối với học sinh trên địa bàn Thành phố, cung cấp 600 cây Bàng Trường Sa cho xã An Phú Tây (Bình Chánh), xã Nhị Bình (Hóc Môn), Công đoàn Sở Tài chính tổ chức trồng dịp lễ 19/5, chào mừng Đại hội đảng các cấp trong năm 2015. Qua kiểm tra thực tế hàng năm, ghi nhận tỷ lệ cây trồng sống đạt trên 85% theo quy định.

- Trong 3 năm (2011 - 2013), tổng số cây trồng của công trình trồng cây ven sông, kênh rạch là 480.452 cây, gồm các loài: Dừa nước, Tràm nước, Nhac ngựa nước, Gõ nước, Săng máu ... Bước đầu công trình đã hình thành được những dải cây xanh phòng

hộ ven sông rạch tại các quận, huyện, góp phần hạn chế tình trạng sạt lở bờ sông, tạo cảnh quan môi trường đẹp, nâng cao nhận thức của người dân trong việc trồng và bảo vệ cây xanh. Tuy nhiên, do có những bất cập nhất định trong công tác thiết kế, phối hợp thi công, chăm sóc, bảo vệ cây trồng, triển khai các công trình thủy lợi, đê kè tại khu vực trồng cây nên tỷ lệ cây sống qua khảo sát thực tế trong năm 2014 còn hạn chế (54,6%) tương đương diện tích 38 ha.

- Tổ chức trồng 1.487 cây gỗ quý các loại trong dịp tổ chức lễ Tết trồng cây 19/5 cấp Thành phố hàng năm với sự tham gia của đại diện các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn thành phố tại các địa điểm gắn liền với di tích văn hóa, lịch sử thành phố như: Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc, Đền tưởng niệm chiến khu An Phú Đông, Khu Tưởng niệm Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968... Số cây trồng kể trên đạt tỷ lệ sống 100% khi bàn giao cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục chăm sóc, bảo vệ.

II. PHÁT TRIỂN RỪNG

- Trồng chuyên hóa rừng 22 ha tại Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc, quận 9 với tổng số cây trồng là 10.600 cây, chủ yếu các loài cây gỗ quý, có giá trị kinh tế cao như: Sao đen, Dầu, Lim xanh, Lát hoa, Gỗ mật, Gỗ đỏ, Giáng hương... Sau 3 năm trồng và chăm sóc, các cây trồng đều sinh trưởng tốt, rừng đã khép tán tạo thành khu vực rừng sinh thái có cảnh quan đẹp trong Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc.

- Thực hiện Vườn Thực vật Củ Chi: tổ chức trồng, chăm sóc 11.497 cây (từ năm 2011 - 2015 trồng 6013 cây các loại), với 788 loài được sưu tập từ khắp các vùng miền cả nước, hình thành khu vực rừng có tính đa dạng thực vật cao, là nơi lưu trữ nguồn giống cây rừng quý giá của Việt Nam.

- Tổ chức công nhận thành rừng đối với diện tích 884 ha hiện trạng Ia, Ib, Ic trong rừng phòng hộ Cần Giờ thành rừng theo Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Triển khai thực hiện dự án Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng rừng mới trên hiện trạng Ia, Ib, Ic trong rừng phòng hộ Cần Giờ với tổng diện tích 76,24 ha với 47.750 cây các loại (trồng rừng mới trên diện tích 19,1ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 57,14 ha); Phối hợp với Hội Nam Du thực hiện trồng, chăm sóc rừng tại các tiểu khu 21, 17 rừng phòng hộ Cần Giờ với số lượng 12.500 cây Cóc trên tổng diện tích

5ha (mỗi năm 1 ha). Đang triển khai dự án phục hồi rừng trên đất ruộng muối tại khu vực Hào Võ, tiểu khu 21 rừng phòng hộ Cần Giờ với tổng diện tích 24,6 ha.

- Đang triển khai thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư các dự án trồng mới rừng phòng hộ tại ấp 3, Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh; dự án mở rộng Vườn Thực vật Thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đối với các dự án trồng cây suu tập tại Củ Chi, trồng cây cảnh quan chuyển hóa rừng phòng hộ tại Quận 9, tỷ lệ cây xanh luôn đảm bảo 100% theo quy định của dự án. Đối với các dự án trồng rừng khác đảm bảo tỷ lệ sống trên 85% theo quy định của trồng rừng khi kiểm tra, nghiệm thu.

III. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CÂY XANH ĐƯỜNG PHỐ

Trong giai đoạn 2011-2015, Sở Giao thông vận tải đã tổ chức trồng 39.827 cây các loại, tương đương với diện tích quy đổi khoảng 39,83 ha, được triển khai thực hiện theo dự án xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đường giao thông, phát triển cây xanh trên các vỉa hè, tuyến đường giao thông, phủ xanh đất dự trữ giao thông, nơi công cộng và khu vực các công trình giao thông theo kế hoạch hàng năm.

IV. CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG

Ban chỉ huy về những vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng thành phố thường xuyên phối hợp kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị chủ rừng chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, tập trung những địa bàn trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng, điểm nóng về phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật. Các địa phương có rừng tích cực thực hiện Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ.

Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng theo chiều hướng giảm. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng có những chuyển biến tích cực.

V. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở - ban ngành, cơ quan, tổ chức chủ động tuyên truyền, vận động quần chúng trong địa phương, trong tổ chức mình về việc hưởng ứng trồng cây xanh tại nơi sinh sống, học tập, công tác qua dịp lễ Tết trồng

cây 19/5 hàng năm dưới nhiều hình thức đa dạng phù hợp thực tiễn của địa phương, đơn vị.

- Các cơ quan truyền thông báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh phối hợp chính quyền địa phương, cơ quan chức năng đưa tin, hình ảnh, viết bài về Lễ tết trồng cây 19/5 hàng năm do thành phố tổ chức, thực hiện các phóng sự về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, cảnh báo phòng cháy chữa cháy rừng...

- Chi cục kiểm lâm phối hợp với Trạm phát thanh tại 25 xã có rừng và cây trồng phân tán trên địa bàn thành phố tuyên truyền về lợi ích của rừng, cây xanh, vận động quần chúng nhân dân địa phương tích cực tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng, phát triển cây xanh; Phối hợp với Phòng Giáo dục và đào tạo các quận, huyện có rừng tổ chức Hội thi tìm hiểu về “Rừng, cây xanh với đời sống đô thị” với học sinh các trường THCS tại các địa phương có rừng trong 3 năm 2013 - 2015 với sự tham gia của 20.561 lượt học sinh. Tổ chức 221 lượt tuyên truyền lưu động, cung cấp 162.898 tờ bướm và 14.638 áp phích có nội dung tuyên truyền bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được:

- Giai đoạn 2011 - 2015, số lượng cây trồng rừng và cây xanh trên địa bàn thành phố đều vượt chỉ tiêu đề ra là 1.000.000 cây/năm. Một số công trình, dự án trồng rừng, trồng cây xanh đã được triển khai thực hiện hiệu quả, tạo thêm mảng xanh, góp phần tạo cảnh quan đẹp cho Thành phố.

- Phong trào trồng cây phân tán tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang, bệnh viện, trường học, các xã điểm xây dựng nông thôn mới, các khu dân cư, các tuyến đường giao thông nông thôn, các Khu di tích Lịch sử - Văn hoá các dân tộc tiếp tục được duy trì, phát triển, giống cây trồng phân tán cấp cho các cơ quan, đơn vị, trường học đều có tỷ lệ trồng sống cao.

- Phong trào trồng cây đã được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng và thực hiện tại 24 quận, huyện của thành phố sau khi được thành phố phát động trồng rừng và cây xanh trong dịp Lễ Tết trồng cây 19 tháng 5 đời đời nhớ ơn Bác Hồ hàng năm.

- Công tác quản lý nhà nước luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch của ngành và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao, gắn liền với thực tiễn nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quản lý lâm nghiệp đô thị.

2. Hạn chế:

- Số lượng cây trồng đạt được nhiều hơn so với mục tiêu của đề án, tuy nhiên, cây trồng của tổ chức, cá nhân tự trồng chủ yếu là những loài cây kiểng, cây bonsai..., dẫn đến đạt mục tiêu về số lượng cây trồng, nhưng diện tích che phủ quy đổi thấp hơn so với tiến độ đề án đặt ra.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ lập dự án triển khai trồng rừng tiến độ còn chậm. Một số dự án trồng rừng vẫn chưa thể triển khai thực hiện được do chưa có đất trống để trồng rừng như dự án trồng 82,54 ha rừng phòng hộ Bình Chánh; dự án mở rộng Vườn thực vật thành phố tại huyện Củ Chi.

- Một số quận, huyện còn khó khăn nhất định trong việc xác định vị trí, địa điểm trồng cây xanh do diện tích đất trống để triển khai trồng cây xanh trên địa bàn Thành phố còn hạn chế.

- Bên cạnh những hiệu quả tích cực về tuyên truyền, vận động người dân, tầng lớp thanh thiếu niên thành phố tham gia trồng và bảo vệ cây xanh, phòng chống sạt lở bờ sông, dự án trồng cây ven sông, kênh, rạch theo mô hình phối hợp thực hiện giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành đoàn và Ủy ban nhân dân các quận, huyện còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ trong quá trình thực hiện trồng, bảo vệ cây trồng. Tình trạng sạt lở bờ sông, triều cường dâng cao, chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các công trình thủy lợi trên khu vực trồng cây, khô hạn kéo dài, hiện tượng cây trồng bị phá do trâu bò thả rong, ý thức bảo vệ cây xanh của một số người dân chưa thật sự tốt... làm cho một số cây đã trồng bị chết, thiệt hại. Qua kiểm tra thực tế toàn bộ các tuyến sông, kênh, rạch có trồng cây của dự án ghi nhận số lượng cây trồng còn sống đến cuối năm 2014 là 262.719 cây chiếm tỷ lệ 54,6% số cây đã trồng.

- Đối với một số dự án xây dựng đường giao thông, khu dân cư, khu đô thị mới trong thời gian qua chưa thật sự quan tâm đúng mức đến việc bố trí không gian thích hợp, đảm bảo cho việc trồng cây xanh cảnh quan.

3. Nguyên nhân:

- Quỹ đất để phát triển rừng và cây xanh của thành phố Hồ Chí Minh có giới hạn. Tình trạng ô nhiễm môi trường cũng đe dọa đến sự tồn tại của các khu rừng và mảng cây xanh đô thị, cây trồng ven sông, kênh, rạch, đê biển...

- Giá trị sử dụng trực tiếp các sản phẩm từ rừng và cây xanh thành phố còn thấp so với các ngành kinh tế khác nên chưa khuyến khích được người dân, tổ chức chủ

động bỏ vốn trồng rừng, trồng cây xanh. Chu kỳ sản xuất và khai thác của cây lâm nghiệp dài, lợi nhuận thấp, nhiều rủi ro cũng tạo khó khăn nhất định.

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia công tác trồng rừng, trồng cây xanh trên địa bàn thành phố chưa thật sự mạnh mẽ, nhận thức về yêu cầu cấp thiết và ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng còn hạn chế.

- Công tác xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân trong việc phát triển rừng và cây xanh đô thị còn hạn chế, sự phối hợp về công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ lập dự án triển khai trồng rừng tiến độ còn chậm.

Phần II

KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG VÀ CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu:

- Tăng cường diện tích rừng, cây xanh, hệ thống công viên, vườn hoa đô thị; khôi phục các hệ sinh thái, phục hồi đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp trên địa bàn Thành phố, đảm bảo độ che phủ rừng và cây xanh đến cuối năm 2020 đạt tỷ lệ 40,3%.

- Phát huy thành quả đạt được của giai đoạn 1 thực hiện Quyết định 05/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2012, tiếp tục triển khai hiệu quả việc thực hiện Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đề án Quản lý bảo vệ phát triển các loại rừng và cây xanh Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và Chỉ thị số 11/2011/CT-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường các biện pháp bảo tồn, phát triển bền vững Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ.

2. Nhiệm vụ:

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, Thành phố tiếp tục phấn đấu mỗi năm trồng được ít nhất 1.000.000 cây xanh, góp phần duy trì và phát triển diện tích rừng và mảng cây xanh trên địa bàn Thành phố.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả vận động nhân dân thành phố tích cực tham gia trồng cây xanh, nhất là các loài cây gỗ có giá trị cao (Sao, Dầu,

Gỗ đỏ, Giáng hương, Cẩm xe, Long não, Bằng lăng...) dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

- Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển rừng trên địa bàn huyện Cần Giờ, Củ Chi, Bình Chánh, phát triển hệ thống cây xanh công viên, vườn hoa đô thị, cây xanh đường phố.

Tổng diện tích trồng rừng và diện tích quy đổi trồng cây lâm nghiệp phân tán, cây do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự trồng, phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố là 1613,89 ha với số lượng cây trồng dự kiến 5.000.000 cây.

Trong đó:

- + Cây do tổ chức, gia đình, cá nhân tự trồng: 2.964.750 cây/364,41 ha.
- + Trồng cây phát triển rừng: 748.750 cây/790,13 ha.
- + Trồng cây phân tán: 1.250.000 cây/421,35 ha.
- + Trồng cây 19/5 nhân ngày sinh nhật Bác Hồ: 1.500 cây/3ha.
- + Trồng cây đường phố, công viên, vườn hoa đô thị: 35.000 cây/35 ha.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Trồng cây của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:

- Phát động phong trào toàn dân tham gia trồng cây xanh, trồng cây gỗ quý (Sao, Dầu, Cẩm lai, Gõ đỏ, Giáng Hương...). Vận động mỗi hộ gia đình, mỗi đoàn viên thanh niên, mỗi cán bộ, công nhân trồng ít nhất 01 cây xanh tại nơi công cộng thuộc địa bàn mình sinh sống, làm việc, mỗi học sinh, sinh viên trồng 1 cây xanh trong khuôn viên trường học.

- Đơn vị thực hiện: Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức đoàn thể, lực lượng vũ trang,... tổ chức vận động mỗi thành viên của tổ chức mình trồng ít nhất 01 cây xanh góp phần tạo cảnh quan môi trường, giáo dục lòng yêu thiên nhiên, nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của hệ thống cây xanh trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường, điều hòa khí hậu tại Thành phố, trung tâm công nghiệp, kinh tế, văn hóa, xã hội lớn của cả nước.

- Nguồn vốn đầu tư: tổ chức, cá nhân tự túc kinh phí thực hiện.

- Số lượng cây trồng dự kiến: 2.964.750 cây.

- Loài cây trồng: Sao, Dầu, Bằng Lăng, Giáng Hương...

- Tiến độ thực hiện: Năm 2016: 649.390 cây (tương đương diện tích quy đổi 79,82 ha); Năm 2017: 606.130 cây (74,50 ha); Năm 2018: 571.830 cây (70,29 ha); Năm 2019: 568.700 cây (69,90 ha); Năm 2020: 568.700 cây (69,90 ha).

2. Trồng cây phát triển rừng:

a) Trồng rừng phòng hộ tại huyện Bình Chánh.

- Địa điểm trồng cây: Ấp 3, Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.

- Đơn vị thực hiện: Chi cục Lâm nghiệp.

- Diện tích trồng cây: 82,54 ha.

- Số lượng cây trồng: 67.050 cây.

- Loài cây trồng: Dầu, Sao, Mù u, Bằng lăng, Gáo, Trâm...

- Tiến độ thực hiện: Năm 2016: 18.310 cây; năm 2017: 24.370 cây; năm 2018: 24.370 cây.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

b) Dự án mở rộng Vườn thực vật Thành phố.

- Địa điểm trồng cây: Vườn thực vật Thành phố, Xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi.

- Đơn vị thực hiện: Chi cục Lâm nghiệp.

- Diện tích trồng cây: 120 ha

- Số lượng cây trồng: 66.000 cây.

- Loài cây trồng: Các loài cây sưu tập vùng miền Đông nam bộ.

- Tiến độ thực hiện: Năm 2017: 16.500 cây; năm 2018: 16.500 cây; năm 2019: 16.500 cây; Năm 2020: 16.500 cây.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

c) Diện tích rừng phòng hộ còn thiếu theo quy hoạch theo Quyết định 24/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Địa điểm trồng cây: huyện Bình Chánh.

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

- Diện tích: 437,59 ha.

- Số lượng cây trồng: 240.700 cây.

- Loài cây trồng: : Dầu, Sao, Mù u, Bằng lăng, Gáo, Trâm...

- Tiến độ thực hiện: Năm 2017: 20.700 cây; năm 2018: 55.000 cây; năm 2019: 82.500 cây; năm 2020: 82.500 cây.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

d) Trồng rừng tại huyện Cần Giờ.

- Địa điểm trồng cây: Trồng rừng trên đất ngập nước, bãi bồi ven sông rạch tại các tiểu khu trong rừng phòng hộ Cần Giờ.

- Đơn vị thực hiện: Ban quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ.

- Diện tích: 150 ha.

- Số lượng cây trồng: 375.000 cây.

- Loài cây trồng: Gõ biển, Vẹt, Cóc...

- Tiến độ thực hiện: năm 2016: 75.000 cây (30 ha); năm 2017: 75.000 cây (30 ha); năm 2018: 75.000 cây (30 ha); năm 2019: 75.000 cây (30 ha); năm 2020: 75.000 cây (30 ha).

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

e) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, phục hồi rừng tại rừng Cần Giờ.

- Triển khai khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên trên hiện trạng rừng Ia, Ib, Ic trong rừng phòng hộ Cần Giờ.

- Đơn vị thực hiện: Ban quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ

- Diện tích: 57 ha.

- Tiến độ thực hiện: Năm 2016: 17 ha; năm 2017: 20 ha; năm 2018: 20 ha.

- Nguồn vốn: ngân sách nhà nước.

3. Trồng cây phân tán:

- Địa điểm trồng cây: Trên địa bàn thành phố.

- Đơn vị thực hiện: Chi cục Lâm nghiệp cung cấp cây giống.

- Số lượng cây trồng: 1.250.000 cây.

- Diện tích quy đổi tương đương: 421,35 ha.

- Loài cây trồng: Sao, Dầu, Gõ đỏ, Giáng Hương, Bằng Lăng, Xà cừ...

- Tiến độ thực hiện: Bình quân mỗi năm trồng 250.000 cây
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

4. Trồng cây dịp Lễ Tết trồng cây 19/5 do Thành phố tổ chức:

- Địa điểm trồng cây: Trên địa bàn thành phố.
- Đơn vị thực hiện: Chi cục Lâm nghiệp.
- Số lượng cây trồng: 1.500 cây.
- Diện tích quy đổi tương đương: 3 ha.
- Loài cây trồng: Sao, Dầu, Gỗ đỏ, Giáng Hương, Bằng Lăng...
- Tiến độ thực hiện: Bình quân mỗi năm trồng 300 cây
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

5. Phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố:

- Địa điểm trồng cây: Trên địa bàn Thành phố, theo các dự án xây dựng mới, nâng cấp - mở rộng đường, cầu vượt, nút giao thông; dự án cải thiện môi trường nước, xây dựng, cải tạo bờ kè ven sông, kênh, rạch trong đô thị; trồng cây phủ xanh các khu đất dự trữ, dọc theo hành lang an toàn giao thông và trồng bổ sung vào vị trí còn trống trên các tuyến đường.

- Đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.
- Số lượng cây trồng: 35.000 cây.
- Diện tích quy đổi tương đương: 35 ha.
- Loài cây trồng: Sao, Dầu, Gỗ đỏ, Giáng Hương, Bằng Lăng, Xà cừ...
- Tiến độ thực hiện: Bình quân mỗi năm 7.000 cây.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

6. Tiếp tục chăm sóc, bảo dưỡng, bảo vệ cây rừng, cây xanh cảnh quan, đường phố:

Tiếp tục công tác chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, duy tu, bảo dưỡng, chăm sóc cây xanh cảnh quan, đường phố đã được xây dựng, cải tạo trong thời gian trước đó.

III. ƯỚC KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí ước tính:

479.397 triệu đồng.

Trong đó:

1. Nguồn vốn do Tổ chức, gia đình, cá nhân tự bỏ vốn:

- Trồng cây của tổ chức, gia đình, cá nhân: 160.097 triệu đồng.

2. Nguồn vốn ngân sách nhà nước: 319.300 triệu đồng.

- Trồng cây phát triển rừng: 285.736 triệu đồng.

- Trồng cây phân tán: 13.875 triệu đồng.

- Trồng cây 19/5: Theo dự toán được phê duyệt. 1.500 triệu đồng.

- Trồng cây Vườn hoa, đường phố: 17.500 triệu đồng.

- Thông tin tuyên truyền, vận động: 689 triệu đồng

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Quản lý Nhà nước:

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ và phát triển rừng cùng các văn bản liên quan để bảo vệ diện tích rừng và cây lâm nghiệp, cây xanh, cây trồng ven biển, sông, kênh, rạch.

- Xây dựng quy chế quản lý nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm của chính quyền địa phương, cộng đồng trong công tác bảo vệ rừng, bảo vệ cây xanh trên vỉa hè, công viên, khu dân cư, khu vực công cộng, ven sông, kênh, rạch.

2. Thông tin, tuyên truyền, vận động:

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến người dân thành phố dưới nhiều hình thức phong phú, xây dựng chuyên đề phát sóng trên Đài phát thanh, truyền hình, tờ bướm phổ biến đến từng hộ gia đình trên địa bàn thành phố, gắn bảng panô tuyên truyền tại các công trình trồng cây...nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của cộng đồng dân cư trong công tác gây trồng, phát triển bảo vệ rừng, bảo vệ cây xanh.

- Tiếp tục phát động phong trào Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ hàng năm nhân dịp sinh nhật Bác, trồng cây tại các xã nông thôn mới, phong trào trồng cây của các tổ chức chính trị - xã hội nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, trong lực lượng học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên, cán bộ, công chức, viên chức.

3. Giải pháp về quy hoạch:

- Chính quyền địa phương các quận, huyện rà soát, bổ sung quy hoạch, bố trí diện tích thích hợp cho công tác trồng rừng, quy hoạch đất công viên, vườn hoa, phát

triển cây xanh trên địa bàn quản lý.

- Kiểm tra, quản lý diện tích trồng cây xanh đảm bảo tuân thủ theo các đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu được duyệt.

- Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi đẩy nhanh quy hoạch diện tích rừng phòng hộ còn thiếu theo quy hoạch tại Quyết định số 24/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Giải pháp về phát triển rừng:

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ việc triển khai trong thực tế các dự án trồng rừng, phát triển cây xanh theo chủ trương, kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tập trung mọi nguồn lực hoàn thành các dự án trồng rừng, chăm sóc, tu bổ rừng đã được phê duyệt.

5. Định kỳ tổ chức sơ tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ, phát triển rừng, phát triển cây xanh trên địa bàn thành phố.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ban Chỉ đạo trồng rừng, bảo vệ rừng và phát triển cây xanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020 kịp thời rà soát, kiện toàn theo hướng tinh gọn, phù hợp thực tế, phát huy vai trò, nâng cao hiệu quả trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Đề án trồng rừng và phát triển cây xanh.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Chỉ đạo các Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại địa phương rà soát những khoảng đất trống tại cơ quan, đơn vị, khu dân cư, hộ gia đình và những cây trồng đã chết trên địa bàn, tổ chức ngày hội trồng cây, chịu trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đã trồng trên địa bàn, thiết lập đường dây nóng để các cá nhân, tổ chức kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng khi phát hiện những hành vi xâm hại đến mảng xanh vỉa hè, cây xanh đường phố, gửi báo cáo định kỳ hàng năm về Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các đơn vị có liên quan rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn, xác định, công khai địa điểm, khu vực phát triển cây xanh, công viên, vườn hoa đô thị.

- Chủ động xây dựng Kế hoạch Trồng rừng và cây xanh của đơn vị hàng năm, đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đã được ban hành.

- Đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án phát triển rừng, phát triển cây xanh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ngành và các quận, huyện có rừng:

- Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch hàng năm, 5 năm bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ; phối hợp với địa phương tổ chức phổ biến công khai cho các ngành, các cấp, doanh nghiệp, hộ sản xuất, nhân dân biết để thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, tham mưu, đề xuất Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc.

- Chủ trì phối hợp đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích để phát triển các loại rừng, cây trồng lâu năm, góp phần xây dựng, phát huy hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới của Thành phố.

- Chỉ đạo Chi cục Lâm nghiệp tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị, địa phương về cây giống, kỹ thuật trồng cây, phương pháp chăm sóc...để cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Phối hợp các địa phương, cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang thực hiện tốt công tác trồng cây phân tán trên địa bàn. Tập trung nguồn lực triển khai tốt các dự án trồng rừng, chương trình trồng cây xanh được giao.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ngành liên quan rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dự án quy hoạch khu dân cư và các chương trình sử dụng đất trồng rừng và cây xanh để điều chỉnh, bổ sung theo hướng ưu tiên, đảm bảo độ che phủ rừng và cây xanh thành phố.

5. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Sở, ngành liên quan rà soát hoàn chỉnh quy hoạch đất cây xanh sử dụng công cộng (công viên, vườn hoa), cây xanh dọc các tuyến đường giao thông (nội và ngoại thành), chủ trì đề xuất các giải pháp để triển khai thực hiện các chương trình cải tạo, chỉnh trang và phát triển công viên, cây xanh đường phố, tập trung triển khai thực hiện các công trình, dự án trồng cây xanh được phê duyệt.

6. Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp

và Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện rà soát các dự án khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, đảm bảo tỷ lệ công viên cây xanh, cây xanh cách ly theo quy định.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan:

- Nghiên cứu, tham mưu đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ trong việc đầu tư các chương trình, dự án, quản lý, bảo vệ phát triển các loại rừng và cây xanh trên địa bàn Thành phố.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết, cân đối, bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm để thực hiện phát triển rừng, hệ thống cây xanh Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

8. Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiên cứu quy hoạch, xây dựng các vùng du lịch sinh thái trên địa bàn có rừng và cây xanh.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phát động phong trào học sinh, sinh viên tham gia trồng cây xanh trong khuôn viên trường học nhân dịp khai giảng năm học mới, kỷ niệm ngày sinh nhật Bác 19/5...

10. Bộ Tư lệnh Thành phố và các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn phát động phong trào mỗi cán bộ, chiến sĩ trồng một cây xanh trong doanh trại quân đội.

11. Cán bộ, công chức, người dân Thành phố:

Trồng rừng và cây xanh, chăm sóc bảo vệ cây xanh, bảo vệ rừng là trách nhiệm cao quý của chính quyền, nhân dân thành phố góp phần cải thiện môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững.

Mỗi người dân sinh sống, làm việc trên địa bàn thành phố, cán bộ, công chức, người lao động, chiến sĩ lực lượng vũ trang, hội viên Hội Nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội liên hiệp phụ nữ thành phố, đoàn viên Đoàn Thanh niên cộng sản và thanh niên thành phố là lực lượng nòng cốt để phát động trồng cây xanh và chăm sóc bảo vệ cây xanh, đưa nội dung tuyên truyền vào cuộc họp tại Khu phố, Tổ dân phố, hội nghị, thực hiện bản tin, loa truyền thanh, treo băng rôn, khẩu hiệu tại trụ sở làm việc và khu dân cư trọng điểm, phát tài liệu, tờ bướm, tổ chức ngày hội trồng cây xanh trên địa bàn.

12. Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các đoàn thể, Sở, ngành tuyên truyền, vận động đoàn viên, nhân dân tích cực tham gia trồng cây xanh, cải thiện môi trường cảnh quan, phối hợp chính quyền địa phương chăm sóc, bảo vệ cây trồng ven sông, kênh, rạch, các tuyến đường giao thông nông thôn.

13. Đài Truyền hình Thành phố, Đài Phát thanh Thành phố, Báo Sài Gòn Giải Phóng: tuyên truyền Kế hoạch trồng rừng và cây xanh của thành phố giai đoạn 2016 - 2020, thông tin kịp thời về các phong trào trồng cây xanh của thành phố, hình ảnh lễ phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác dịp 19/5, trồng cây dịp khai giảng năm học mới...

14. Các cơ quan, đơn vị, doanh trại quân đội, trường học và mỗi người dân Thành phố tích cực tham gia trồng cây xanh, quản lý bảo vệ cây xanh, vận động mọi người cùng học tập, lao động, sản xuất tích cực tham gia các phong trào trồng cây xanh, trồng rừng để tăng cường độ che phủ mảng xanh của Thành phố.

15. Căn cứ Kế hoạch trồng rừng và cây xanh của thành phố giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, sở, ban ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động xây dựng Kế hoạch trồng rừng và cây xanh hàng năm theo lĩnh vực được phân công, phụ trách để triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo, đề xuất kịp thời về Ban Chỉ đạo trồng rừng, bảo vệ rừng và phát triển cây xanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020 tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục: 01

BẢNG TỔNG HỢP TRỒNG RỪNG VÀ CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Kèm theo Quyết định số: 1442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Tên công trình	Đvt	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Cộng 2011-2015		Ghi chú
			Thực hiện trồng cây	Diện tích quy đổi (ha)	Thực hiện trồng cây	Diện tích quy đổi (ha)	Thực hiện trồng cây	Diện tích quy đổi (ha)	Thực hiện trồng cây	Diện tích quy đổi (ha)	Thực hiện trồng cây	Diện tích quy đổi (ha)	Thực hiện trồng cây	Diện tích quy đổi (ha)	
I	Cây xanh phân tán trên địa bàn Thành phố	Cây	307.892	98,53	1.019.971	229,509	1.556.948	545,769	1.228.983	159,052	933.608	174,79	5.047.402	1.049,8	
1	Cây do tổ chức, gia đình, cá nhân tự trồng.	Cây	-	-	560.067	142,69	775.853	86,33	1.048.295	83,652	644.950	99,49	3.029.165	412	
-	Ủy ban nhân dân các quận, huyện phát động nhân dân trồng cây	Cây			140.067	140,07	175.853	48,83	89.422	23,722	125.684	67,04	531.026	280	
-	Các tổ chức, gia đình, cá nhân trồng cây và tự bỏ kinh phí mua cây trồng (kiêng, bonsai, mai...)	Cây			420.000	2,63	600.000	37,50	958.873	59,930	519.266	32,45	2.498.139	133	
2	Cây phân tán hàng năm của Chi cục Lâm nghiệp	Cây	250.000	69,889	300.000	86,27	517.543	264,01	179.730	74,442	287.758	100,82	1.535.031	595	
3	Cây trồng ven sông rạch	Cây	57.592	28,043	159.630	-	263.230	194,81	-	-	-	-	480.452	38	
4	Trồng cây 19/5 hàng năm	Cây	300	0,60	274	0,55	297	0,59	316	0,632	300	0,60	1.487	2,974	
5	Trồng cây Bàng vuông	Cây				-	25	0,03	642	0,642	600	0,60	1.267	1,267	
II	Trồng cây phát triển rừng	Cây	5.613	13,43	12.988	31,57	5.512	4,01	2.500	1,00	50.250	77,24	76.863	127,3	
1	Trồng cây 22 ha Đền Hùng	Cây	-	-	7.588	19,00	3.012	3,01	-	-	-	-	10.600	22	

2	Trồng cây Vườn thực vật Củ Chi	Cây	3.113	12,43	2.900	11,57				-	-	-	6.013	24	
3	Trồng 82,54ha rừng phòng hộ huyện Bình Chánh	Cây				-			-	-	-	-	-	-	
4	Mở rộng Vườn thực vật Thành phố Hồ Chí Minh	Cây									-	-			
3	Hội Nam Du Nhật Bản tiến hành trồng trên tiểu khu 21,17	Cây	2500	1,00	2.500	1,00	2.500	1,00	2.500	1,00	2.500	1,00	12.500	5	
4	Trồng rừng mới, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trên hiện trạng Ia, Ib, Ic diện tích 76,24ha.	Cây	-	-	-	-	-	-	-	-	47.750	76,24	47.750	76,24	
	- Trồng rừng mới		-	-	-	-	-	-	-	-	47.750	19,10	47.750	19,10	
	- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trên hiện trạng Ia, Ib, Ic		-	-	-	-	-	-	-	-	-	57,14		57,14	
III	Công viên, vườn hoa, cây đường phố	Cây	-	-	14.179	14,179	6.200	6,200	12.448	12,448	7.000	7,00	39.827	39,83	
	Tổng cộng:	Cây	313.505	111,96	1.047.138	275,26	1.568.660	555,98	1.243.931	171,500	990.858	258,03	5.164.092	1.216,9	

Phụ lục: 02
THỐNG KÊ DỰ KIẾN ĐẤT TRỒNG RỪNG VÀ CÂY XANH THÀNH PHỐ
GIẢI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số: 1442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Tên công việc	Đơn vị thực hiện	Địa điểm	Diện tích ước thực hiện (ha)					
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
I	Trồng cây phát triển rừng			69,54	147,59	210,00	210,00	210,00	790,13
1	Trồng mới rừng phòng hộ tại ấp 3 xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.	Chi cục Lâm nghiệp	Huyện Bình Chánh	22,54	30,00	30,00			82,54
2	Trồng rừng phòng hộ theo quyết định 24/QĐ-TTG	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh		37,59	100,00	150,00	150,00	437,59
3	Trồng rừng trên đất ngập nước, bãi bồi ven sông rạch tại các tiểu khu trong rừng phòng hộ Cần Giờ.	Ban QLRPH Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	150,00
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh các tiểu khu rừng ngập mặn Cần Giờ	Ban QLRPH Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	17,00	20,00	20,00			
5	Mở rộng Vườn thực vật thành phố Hồ Chí Minh	Chi cục Lâm nghiệp	Huyện Củ Chi		30,00	30,00	30,00	30,00	120,00
II	Trồng cây phân tán			84,27	84,27	84,27	84,27	84,27	421,35

1	Trồng cây phân tán	Chi cục Lâm nghiệp cung cấp cây giống	Khu vực đăng ký trồng cây phân tán của các đơn vị	84,27	84,27	84,27	84,27	84,27	421,35
III	Lễ phát động trồng cây hàng năm			0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	3,00
1	Trồng cây 19/5 nhân ngày sinh nhật Bác Hồ	Chi cục Lâm nghiệp	Theo công trình được duyệt	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	3,00
IV	Phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố:			7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	35,00
1	Phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố	Sở Giao thông vận tải	Theo dự án được duyệt	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	35,00
V	Trồng cây của tổ chức cá nhân tự bỏ vốn ra trồng, trên địa bàn thành phố			79,82	74,50	70,29	69,90	69,90	364,41
1	Ủy ban nhân dân các quận, huyện phát động nhân dân trồng cây.	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên Lực lượng cán bộ, chiến sỹ trong các doanh trại quân đội.	Các sở ban ngành, quận, huyện trên địa bàn thành phố	43,29	40,41	38,12	37,91	37,91	197,64
2	Các tổ chức, gia đình, cá nhân trồng cây và tự bỏ kinh phí mua cây trồng (kiểng, bonsai, mai...)	Các tổ chức, gia đình, cá nhân.	Khuôn viên tổ chức; nhà ở của hộ gia đình, cá nhân.	36,53	34,09	32,17	31,99	31,99	166,77
	Tổng cộng:			241,23	313,96	372,16	371,77	371,77	1.613,89

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục: 03
BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN TRỒNG RỪNG VÀ CÂY XANH THÀNH PHỐ
GIẢI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số: 1442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Tên công việc	Đơn vị thực hiện	Địa điểm	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng	
				Diện tích ước thực hiện (ha)	Số lượng trồng (cây)	Diện tích ước thực hiện (ha)	Số lượng trồng (cây)	Diện tích ước thực hiện (ha)	Số lượng trồng (cây)	Diện tích ước thực hiện (ha)	Số lượng trồng (cây)	Diện tích ước thực hiện (ha)	Số lượng trồng (cây)	Diện tích ước thực hiện (ha)	Số lượng trồng (cây)
I	Trồng cây phát triển rừng			69,54	93.310	147,59	136.570	210,00	170.870	210,00	174.000	210,00	174.000	790,13	748.750
1	Trồng mới rừng phòng hộ tại ấp 3 xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.	Chi cục Lâm nghiệp	Huyện Bình Chánh	22,54	18.310	30,00	24.370	30,00	24.370					82,54	67.050
2	Trồng rừng phòng hộ theo quyết định 24/QĐ-TTG	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh			37,59	20.700	100,00	55.000	150,00	82.500	150,00	82.500	437,59	240.700
3	Trồng rừng trên đất ngập nước, bãi bồi ven sông rạch tại các tiểu khu trong rừng phòng hộ Cần Giờ.	Ban QLRPH Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	30,00	75.000	30,00	75.000	30,00	75.000	30,00	75.000	30,00	75.000	150,00	375.000
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh các tiểu khu rừng ngập mặn Cần Giờ	Ban QLRPH Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	17,00		20,00		20,00							-
5	Mở rộng Vườn thực vật thành phố Hồ Chí Minh	Chi cục Lâm nghiệp	Huyện Củ Chi			30,00	16.500	30,00	16.500	30,00	16.500	30,00	16.500	120,00	66.000
II	Đất trồng cây phân tán			84,27	250.000	84,27	250.000	84,27	250.000	84,27	250.000	84,27	250.000	421,35	1.250.000

1	Trồng cây phân tán	Chi cục Lâm nghiệp cung cấp cây giống	Đơn vị đăng ký nhận cây trồng phân tán	84,27	250.000	84,27	250.000	84,27	250.000	84,27	250.000	84,27	250.000	421,35	1.250.000
III	Lễ phát động trồng cây hàng năm			0,60	300	0,60	300	0,60	300	0,60	300	0,60	300	3,00	1.500
1	Trồng cây 19/5 nhân ngày sinh nhật Bác Hồ	Chi cục Lâm nghiệp	Theo công trình được duyệt	0,60	300	0,60	300	0,60	300	0,60	300	0,60	300	3,00	1.500
IV	Đất phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố:			7,00	7.000	7,00	7.000	7,00	7.000	7,00	7.000	7,00	7.000	35,00	35.000
1	Phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố	Sở Giao thông vận tải	Theo dự án được duyệt	7,00	7.000	7,00	7.000	7,00	7.000	7,00	7.000	7,00	7.000	35,00	35.000
V	Trồng cây của tổ chức cá nhân tự bỏ vốn ra trồng, trên địa bàn thành phố			79,82	649.390	74,50	606.130	70,29	571.830	69,90	568.700	69,90	568.700	364,41	2.964.750
1	Ủy ban nhân dân các quận, huyện phát động nhân dân trồng cây.	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên Lực lượng cán bộ, chiến sỹ trong các doanh trại quân đội.	Các sở ban ngành, quận, huyện trên địa bàn thành phố	43,29	64.939	40,41	60.613	38,12	57.183	37,91	56.870	37,91	56.870	197,64	296.475
2	Các tổ chức, gia đình, cá nhân trồng cây và tự bỏ kinh phí mua cây trồng (kiểng, bonsai, mai...)	Các tổ chức, gia đình, cá nhân.	Khuôn viên tổ chức; nhà ở của hộ gia đình, cá nhân.	36,53	584.451	34,09	545.517	32,17	514.647	31,99	511.830	31,99	511.830	166,77	2.668.275
	Tổng cộng:			241,23	1.000.000	313,96	1.000.000	372,16	1.000.000	371,77	1.000.000	371,77	1.000.000	1.613,89	5.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục: 04

**BẢNG KINH PHÍ ƯỚC THỰC HIỆN TRỒNG RỪNG VÀ CÂY XANH THÀNH PHỐ
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Quyết định số: 1442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị thực hiện	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Ước kinh phí thực hiện					Tổng kinh phí Sở NN & PTNT thẩm định	Nguồn vốn	Ghi chú
						Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
I	Trồng cây phát triển rừng				748.750						285.736	Ngân sách nhà nước	
1	Trồng mới rừng phòng hộ tại ấp 3 xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.	Chi cục Lâm nghiệp	Huyện Bình Chánh	Cây	67.050	Theo dự án được duyệt					33.000	Ngân sách nhà nước	Văn bản số 894/UBND-CNN ngày 03/3/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố
2	Trồng rừng phòng hộ theo quyết định 24/QĐ-TTG	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	Cây	240.700	Theo dự án được duyệt					175.036	Ngân sách nhà nước	Tạm tính theo đơn giá thực hiện trên cùng địa bàn

3	Trồng rừng trên đất ngập nước, bãi bồi ven sông rạch tại các tiểu khu trong rừng phòng hộ Cần Giờ.	Ban QLRP Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	Cây	375.000	Theo dự án được duyệt					24.000	Ngân sách nhà nước	Tạm tính theo đơn giá thực hiện trên cùng địa bàn
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh các tiểu khu rừng ngập mặn Cần Giờ (Diện tích 57 ha)	Ban QLRP Cần Giờ	Huyện Cần Giờ			Theo dự án được duyệt					5.700	Ngân sách nhà nước	Tạm tính theo đơn giá thực hiện trên cùng địa bàn
5	Mở rộng Vườn thực vật thành phố Hồ Chí Minh	Chi cục Lâm nghiệp	Huyện Củ Chi	Cây	66.000	Theo dự án được duyệt					48.000	Ngân sách nhà nước	Tạm tính theo đơn giá thực hiện trên cùng địa bàn
II	Trồng cây phân tán hàng năm <i>Trong đó:</i>	Chi cục Lâm nghiệp cung cấp cây giống	Đơn vị đăng ký nhận cây trồng phân tán	Cây	1.250.000	2.775	2.775	2.775	2.775	2.775	13.875	Ngân sách nhà nước	
1	Cây bóng mát (50000 cây/năm)			Cây	250.000	1.750	1.750	1.750	1.750	1.750	8.750		Tạm tính theo đơn giá thị trường
2	Cây mọc nhanh (50000 cây/năm)			Cây	250.000	125	125	125	125	125	625		
3	Cây hàng rào (150000 bầu/năm)			Bầu	750.000	900	900	900	900	900	4.500		
III	Lễ phát động trồng cây hàng năm			Cây	1.500	300	300	300	300	300	1.500	Ngân sách nhà nước	
1	Trồng cây 19/5 nhân ngày sinh nhật Bác Hồ (mỗi năm 300 cây)	Chi cục Lâm nghiệp	Theo công trình được duyệt	Cây	1.500	300	300	300	300	300	1.500		Tạm tính theo đơn giá thị trường

IV	Phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố:			Cây	35.000	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	17.500	Ngân sách nhà nước	
1	Phát triển cây xanh cảnh quan, đường phố.	Sở Giao thông vận tải	Theo dự án được duyệt	Cây	35.000	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	17.500		Tạm tính theo đơn giá thị trường
V	Trồng cây của tổ chức cá nhân tự bỏ vốn ra trồng, trên địa bàn thành phố			Cây	2.964.750	35.067	32.731	30.879	30.710	30.710	160.097	Tổ chức, cá nhân tự túc kinh phí	
1	Trồng cây của tổ chức, gia đình, cá nhân.	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên Lực lượng cán bộ, chiến sỹ trong các doanh trại quân đội...	Các quận, huyện trên địa bàn thành phố	Cây	2.964.750	35.067	32.731	30.879	30.710	30.710	160.097		Tạm tính theo đơn giá thị trường
VI	Chi phí thông tin tuyên truyền					130	140	136	140	143	689	Ngân sách nhà nước	
	Thông tin tuyên truyền, vận động	Đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Sài Gòn giải phóng...	Trên địa bàn Thành phố			130	140	136	140	143	689		Theo QĐ 05/2012/QĐ-UBND
	Tổng cộng:			Cây	5.000.000						479.397		

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng